

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Kỳ vọng hồi phục tại ngưỡng hỗ trợ 1600

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trần Thị Ngọc Hòa

hoa.ttn@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Thế giới

- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) **giữ nguyên lãi suất chính sách ở mức 3,5%–3,75%** trong cuộc họp thứ hai liên tiếp (phù hợp với kỳ vọng thị trường), đồng thời duy trì dự báo về một đợt cắt giảm lãi suất trong 2026 và **điều chỉnh tăng dự báo về lạm phát và tăng trưởng cho giai đoạn 2026–2027**. Giá dầu tăng mạnh trong bối cảnh chiến tranh Trung Đông, làm gia tăng lo ngại áp lực lạm phát toàn cầu và sự thận trọng đối với lộ trình nới lỏng chính sách của Fed.

Việt Nam

• Tiêu điểm tuần:

- Bộ Nội vụ đề xuất tăng lương cơ sở khoảng 8,1% (từ 2,34 lên 2,53 triệu đồng/tháng) từ 1/7/2026
- Giá xăng RON95-III tăng 5.120 đồng lên 30.690 đồng/lít (+60% MoM) sau kỳ điều hành ngày 19/3
- Nhập khẩu xăng dầu tăng vọt trong nửa đầu tháng 3 (492 triệu USD; +89,4% YoY)
- 5 doanh nghiệp liên quan đến VIX, TCBS, VPBankS, Sun Group, LPBank có hồ sơ hợp lệ để tham gia xin cấp phép vận hành thị trường tài sản mã hóa
- **Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng trên cả thị trường tự do và chính thức:** Tính đến 20/3, thị trường tự do (27.725; +2.04% WoW; +3,51% YTD) tăng mạnh, trong khi tỷ giá bán tại VCB (26.339; +0,08% WoW; -0,14% YTD) nhích tăng nhẹ so với tuần trước. NHNN tiếp tục bơm ròng qua OMO.
- **VN-Index: 1.647,8 điểm (-2,9% WoW). GTGD bình quân ở mức thấp nhất trong 4 tuần** (22,5 nghìn tỷ đồng/ngày; -26% WoW).
- **Triển vọng thị trường trong ngắn hạn:**
 - **Thị trường kỳ vọng hồi phục đi kèm giao dịch giằng co, với lực cầu xuất hiện quanh vùng 1.600 điểm**, nhờ vào: 1) VN-Index đang tiến về vùng định giá P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn, với nhiều cổ phiếu đã chiết khấu về vùng định giá hấp dẫn hơn; 2) Thanh khoản tuần qua suy giảm cho thấy lực bán cũng đang yếu dần.
- **Định giá:** P/E VN-Index điều chỉnh về mức 14,8x (so với mức P/E trung bình 10 năm trừ 1 độ lệch chuẩn: 14,1x; P/E trung bình 10 năm: 17x).

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,647.8	-2.9
Mỹ	SPX	6,506.5	-1.9
Canada	TSX	31,317.4	-3.8
Nhật	NKY	53,372.5	-0.8
Trung Quốc	SHCOMP	3,957.1	-3.4
Hồng Kông	Hang Seng	25,277.3	-0.7
Đài Loan	TWSE	33,543.9	0.4
Hàn Quốc	KOSPI	5,781.2	5.4
Ấn Độ	SENSEX	74,533.0	0.0
Indonesia	JCI	7,106.8	-0.4
Thái Lan	SET	1,433.0	1.7
Singapore	STI	4,948.9	2.2
Malaysia	FBMKLCI	1,720.7	1.3
Philippines	PSEi	6,018.6	-0.7
UK	FTSE 100	9,918.3	-3.3
Pháp	CAC 40	7,665.6	-3.1
Đức	DAX	22,380.2	-4.6
Nga	MOEX	2,854.1	-0.2
Úc	ASX 200	8,428.4	-2.2
New Zealand	NZX 50	12,990.0	-1.5

Châu Âu

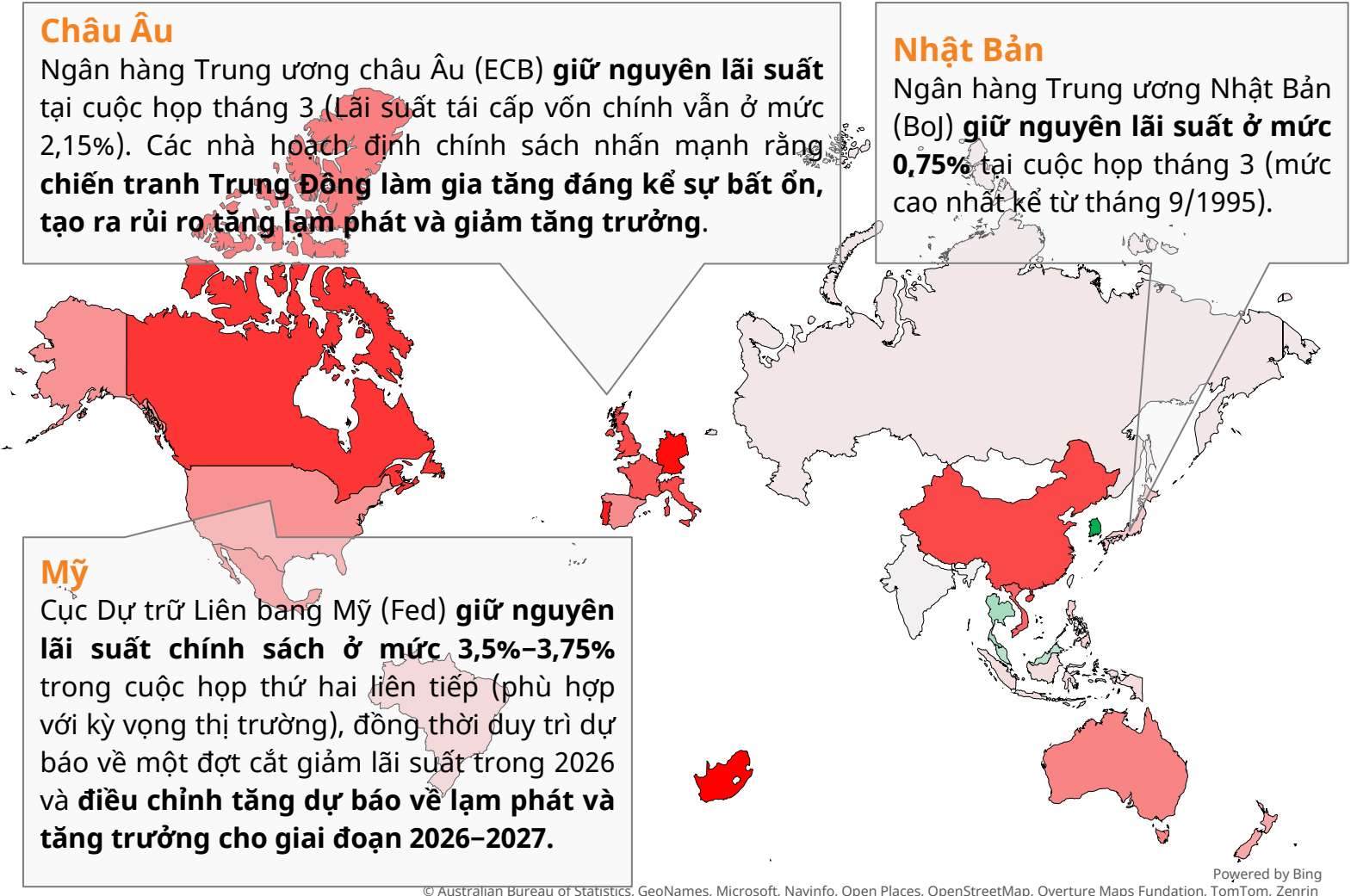
Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) **giữ nguyên lãi suất** tại cuộc họp tháng 3 (Lãi suất tái cấp vốn chính vẫn ở mức 2,15%). Các nhà hoạch định chính sách nhấn mạnh rằng **chiến tranh Trung Đông làm gia tăng đáng kể sự bất ổn, tạo ra rủi ro tăng lạm phát và giảm tăng trưởng.**

Nhật Bản

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) **giữ nguyên lãi suất ở mức 0,75%** tại cuộc họp tháng 3 (mức cao nhất kể từ tháng 9/1995).

Mỹ

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) **giữ nguyên lãi suất chính sách ở mức 3,5%–3,75%** trong cuộc họp thứ hai liên tiếp (phù hợp với kỳ vọng thị trường), đồng thời duy trì dự báo về một đợt cắt giảm lãi suất trong 2026 và **điều chỉnh tăng dự báo về lạm phát và tăng trưởng cho giai đoạn 2026–2027.**



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới ngày 20/03/2026. Màu trên biểu đồ thể giới đại diện cho mức biến động các chỉ số chứng khoán trên thế giới trong tuần.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật chính sách lãi suất của Fed

- Trong cuộc họp chính sách tháng 3, **Fed giữ nguyên lãi suất ở mức 3,5%–3,75%, phù hợp với kỳ vọng thị trường**. Biểu đồ Dot Plot chỉ ra Fed vẫn đang hướng đến một đợt cắt giảm lãi suất trong năm nay và một đợt nữa vào năm 2027. Đáng chú ý, hiện tại, bảy quan chức dự đoán sẽ không có bất kỳ đợt cắt giảm lãi suất nào trong năm nay, tăng so với cuộc họp trước đó.
 - **Fed nâng kỳ vọng về cả chỉ số PCE tổng thể và PCE cốt lõi lên 2,7%** (từ dự phóng tháng 12/2025 lần lượt là 2,4% và 2,5%). Theo Fed, trong ngắn hạn, giá năng lượng tăng cao sẽ làm gia tăng lạm phát tổng thể, nhưng còn quá sớm để biết phạm vi và thời gian của những ảnh hưởng tiềm tàng đối với nền kinh tế.
 - **Tăng trưởng kinh tế vẫn được duy trì**. GDP được điều chỉnh tăng nhẹ và tỷ lệ thất nghiệp vẫn ổn định so với dự phóng tháng 12/2025. Tuy nhiên, **sự bất định trong dự phóng tăng trưởng GDP gia tăng**.
- **Lo ngại áp lực lạm phát do chiến tranh Trung Đông đang diễn ra khiến sự thận trọng của thị trường đối với lộ trình nới lỏng chính sách của Fed ngày càng tăng. Thị trường kỳ vọng lạm phát ở mức cao**: Chỉ số CPI tháng 3 của Mỹ (công bố ngày 10/4) hiện được dự báo ở mức 2,72% YoY, dựa vào các hợp đồng hoán đổi lạm phát cập nhật ngày 18/3 — tăng từ 2,4% trong tháng 2.
- Ngoài ra, cần quan sát thêm sự kiện về **việc bổ nhiệm Chủ tịch Cục Fed vào tháng 5**. Ngày 9/3/2026, Tổng thống Donald Trump đã chính thức đề cử ông Kevin Warsh cho vị trí Chủ tịch Fed. Ông Warsh được kỳ vọng sẽ ủng hộ việc cắt giảm lãi suất nhưng có thể thu hẹp bảng cân đối kế toán của Fed.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật chính sách lãi suất của Fed

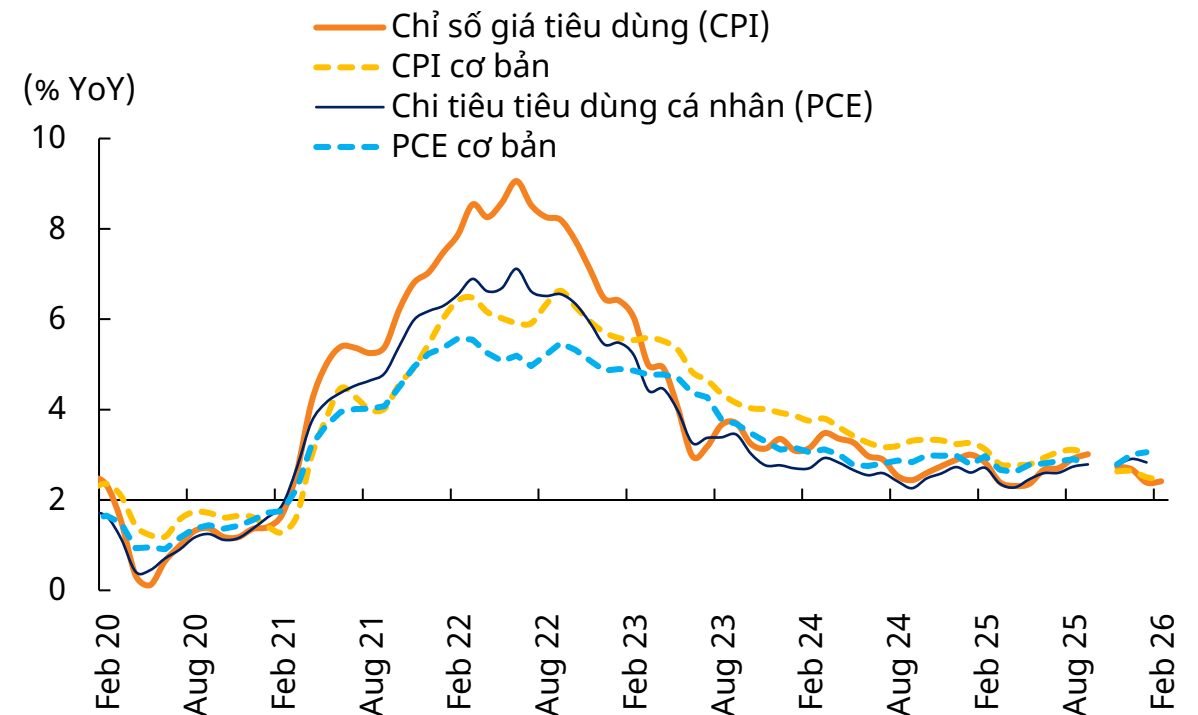
- Dữ liệu dự phóng cập nhật trong cuộc họp tháng 3/2026:
 - **Nâng mức dự phóng lạm phát (PCE): 2,7%** (mức dự phóng tháng 12/2025: 2,4%)
 - **Nâng dự phóng GDP: 2,4%** (mức dự phóng tháng 12/2025: 2,3%)
 - **Tỷ lệ thất nghiệp không đổi: 4,4%** (không đổi so với mức dự phóng tháng 12/2025)
 - **Lãi suất dài hạn: Dự báo tăng nhẹ lên 3,1%** (mức dự phóng tháng 12/2025: 3%)

Biên bản dự phóng kinh tế của FOMC trong cuộc họp tháng 3/2026

Dự phóng kinh tế (%)	2026	2027	2028	Dài hạn
Tăng trưởng GDP thực	2.4	2.3	2.1	2.0
<i>Dự phóng tháng 12/2025</i>	2.3	2.0	1.9	1.8
Tỷ lệ thất nghiệp	4.4	4.3	4.2	4.2
<i>Dự phóng tháng 12/2025</i>	4.4	4.2	4.2	4.2
Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE)	2.7	2.2	2.0	2.0
<i>Dự phóng tháng 12/2025</i>	2.4	2.1	2.0	2.0
PCE cơ bản	2.7	2.2	2.0	2.0
<i>Dự phóng tháng 12/2025</i>	2.5	2.1	2.0	2.0
Lãi suất chính sách	3.4	3.1	3.1	3.1
<i>Dự phóng tháng 12/2025</i>	3.4	3.1	3.1	3.0

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Federal Open Market Committee (FOMC), cập nhật tới 18/3/2026.

Lạm phát Mỹ



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

- **Giá dầu Brent tiếp tục tăng vọt lên 112 USD/thùng (+8,8% WoW)** sau nhiều cuộc tấn công vào cơ sở hạ tầng năng lượng của Iran ở Trung Đông.
- **Vàng giảm nhiệt:** Giá vàng giảm mạnh xuống còn 4.492 USD/ounce (-10,5% WoW), mức giảm hàng tuần lớn nhất kể từ năm 1983, chịu áp lực từ lợi suất trái phiếu kho bạc tăng, đồng USD mạnh hơn và đà bán các khoản đầu tư ETF vàng.

Một số loại hàng hóa theo dõi	Giá	Thay đổi giá (%)			
		1 tuần	1 tháng	3 tháng	1 năm
Giá vàng (USD/ozt)	4,492	-10.5	-9.7	3.5	47.5
Chỉ số giá hàng hóa Bloomberg	134	-0.6	13.8	23.3	26.8
Năng lượng					
Dầu thô WTI (USD/bbl.)	98	-0.4	50.8	73.5	44.0
Dầu Brent (USD/bbl.)	112	8.8	59.5	85.5	55.8
Xăng (USD/gal.)	329	8.0	67.0	92.4	50.0
Khí tự nhiên (USD/MBBtu)	3	-1.1	2.8	-22.3	-22.1
Than (USD/T)	132	5.3	21.1	38.6	36.7
Kim loại					
Thép (USD/MT)	3,123	-1.0	7.7	0.2	-0.2
HRC (USD/T)	1,012	0.1	3.1	11.6	7.9
Quặng sắt (USD/T)	104	-1.0	4.5	1.4	9.9
Đồng (USD/Lbs)	534	-6.5	-7.9	-1.8	5.1
Nickel (USD/T)	16,879	-1.1	-1.5	14.9	4.7
Nhôm (USD/MT)	3,255	-6.2	5.9	11.1	22.3
Nông nghiệp					
Bắp (USD/bu.)	466	2.9	9.0	4.9	-0.7
Lúa mì (USD/bu.)	595	-3.8	8.8	16.8	6.8
Đậu nành (USD/bu.)	1,161	-4.1	2.4	10.7	14.6
Đường (USD/lb.)	16	9.3	10.8	5.9	-21.5
Cao su (USD/kg)	189	-2.9	-1.9	8.2	-4.2
Heo (USD/Lbs)	91	-2.3	-1.4	8.0	6.7
Chỉ số vận tải biển quốc tế					
Baltic Dry Index (điểm)	2,056	1.4	-0.3	1.6	25.7
Capesize	2,971	3.2	-4.6	-18.0	11.3
Panamax	1,904	3.6	6.0	43.9	40.3
Supramax	1,224	-4.6	3.7	0.2	21.2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/03/2026.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện thế giới chính trong tuần

- **Xung đột leo thang tại Trung Đông (Mỹ-Israel-Iran) tiếp tục là biến số chi phối tâm lý thị trường toàn cầu**, duy trì áp lực tăng giá năng lượng và kỳ vọng lạm phát.
- **Mỹ:** Tập trung vào Chỉ số PMI của S&P, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Michigan, các chỉ số thị trường lao động như Thay đổi Việc làm khu vực tư nhân (ADP) và Số đơn Xin trợ cấp Thất nghiệp Lần đầu.
- **Chỉ số PMI** sơ bộ cũng sẽ được công bố tại Khu vực đồng Euro và Nhật Bản.

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
23/3/2026				
7:30 PM	US	Chỉ số Hoạt động Kinh tế Quốc gia của Fed Chicago (T2)	18.0%	
10:00 PM	EA	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng (T3)	-12.2	-15.0
24/3/2026				
7:30 AM	JP	Chỉ số PMI Sản xuất của S&P Global (T3)	53.0	52.8
7:15 PM	US	Thay đổi Việc làm khu vực tư nhân (ADP)	9K	
8:45 PM	US	Chỉ số PMI Sản xuất của S&P Global (T3)	51.6	
8:45 PM	US	Chỉ số PMI Dịch vụ của S&P Global (T3)	51.7	
25/3/2026				
7:30 PM	US	Thay đổi Dự trữ Dầu thô của Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API) (20/3)	6.6M	
8:30 PM	US	Chỉ số giá xuất khẩu (MoM) (T2)	0.6%	
9:30 PM	US	Chỉ số giá nhập khẩu (MoM) (T2)	0.2%	0.2%
10:30 PM	US	Thay đổi Dự trữ Dầu thô của Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA) (20/3)	6.156M	
11:30 PM	US	Thay đổi Dự trữ Xăng của EIA (20/3)	-5.436M	
26/3/2026				
7:30 PM	US	Số đơn Xin trợ cấp Thất nghiệp Lần đầu (21/3)	205K	210K
27/03/2026				
9:00 PM	US	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Đại học Michigan (Số liệu cuối cùng) (T3)	56.6	

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tin tức tuần đáng chú ý

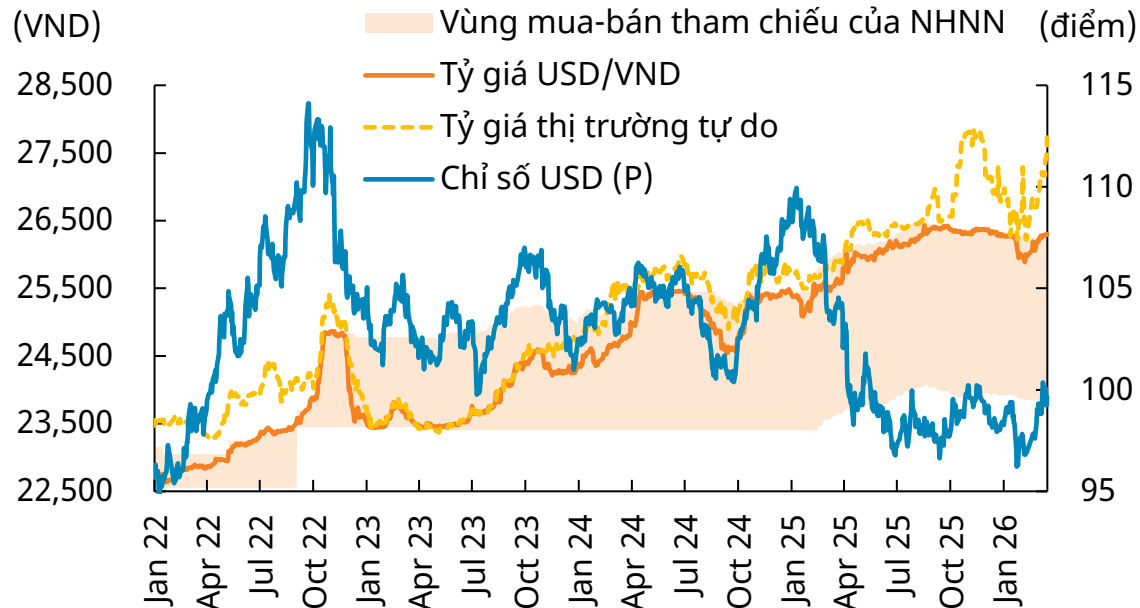
- **Bộ Nội vụ đề xuất tăng lương cơ sở khoảng 8,1% (từ 2,34 lên 2,53 triệu đồng/tháng) từ 1/7/2026.** Nhiều khoản thu nhập và chế độ liên quan của cán bộ, công chức và người lao động cũng có thể được điều chỉnh theo mức lương cơ sở:
 - Nhiều loại phụ cấp trong khu vực công;
 - Lương hưu, trợ cấp người có công, bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội;
 - Lương cơ sở còn là căn cứ xác định mức tiền lương làm cơ sở đóng BHXH, BHYT đối với một số nhóm lao động.
- **Giá xăng RON95-III tăng 5.120 đồng lên 30.690 đồng/lít (+60% MoM) sau kỳ điều hành ngày 19/3,** cùng chiều với giá năng lượng thế giới trong bối cảnh căng thẳng Trung Đông.
 - Thủ tướng đồng ý ứng ngân sách cho Quỹ bình ổn giá xăng dầu, dự kiến áp dụng đến hết 15/4.
 - **Theo Cục Thống kê, giá xăng dầu trong nước tăng 10% thì CPI có thể tăng khoảng 0,45 điểm phần trăm.** Đồng thời, chi phí đầu vào gia tăng sẽ lan tỏa sang nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ, làm gia tăng áp lực lạm phát. Trong trường hợp giá dầu tiếp tục leo thang do căng thẳng Trung Đông kéo dài, yếu tố này có thể làm CPI tăng thêm khoảng 1-2 điểm phần trăm.
- **Nhập khẩu xăng dầu tăng vọt trong nửa đầu tháng 3:** Theo Cục Hải quan, nửa đầu tháng 3 (kỳ 1 tháng 3), Việt Nam nhập khẩu 492 triệu USD xăng dầu các loại (+89,4% YoY) (hơn 533.000 tấn xăng dầu các loại: +41,2% YoY). Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/3/2026, Việt Nam đã nhập khẩu gần 2,71 triệu tấn xăng dầu (+42,6% YoY), với tổng trị giá hơn 1,94 tỷ USD (+43,1% YoY).
- **5 doanh nghiệp liên quan đến VIX, TCBS, VPBankS, Sun Group, LPBank có hồ sơ hợp lệ để tham gia xin cấp phép vận hành thị trường tài sản mã hóa.** Theo Bộ Tài chính, sau quá trình rà soát 7 hồ sơ cấp phép từ các tổ chức, có 5 hồ sơ được xác định đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định. Các đơn vị này gồm: CTCP Sàn Giao dịch tài sản mã hóa VIX; CTCP Sàn Giao dịch Tài sản mã hóa Lộc Phát Việt Nam; CTCP Sàn Giao dịch Tài sản mã hóa Việt Nam Thịnh Vượng; CTCP Sàn Giao dịch Tài sản mã hóa Techcom và CTCP Tài sản số Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng

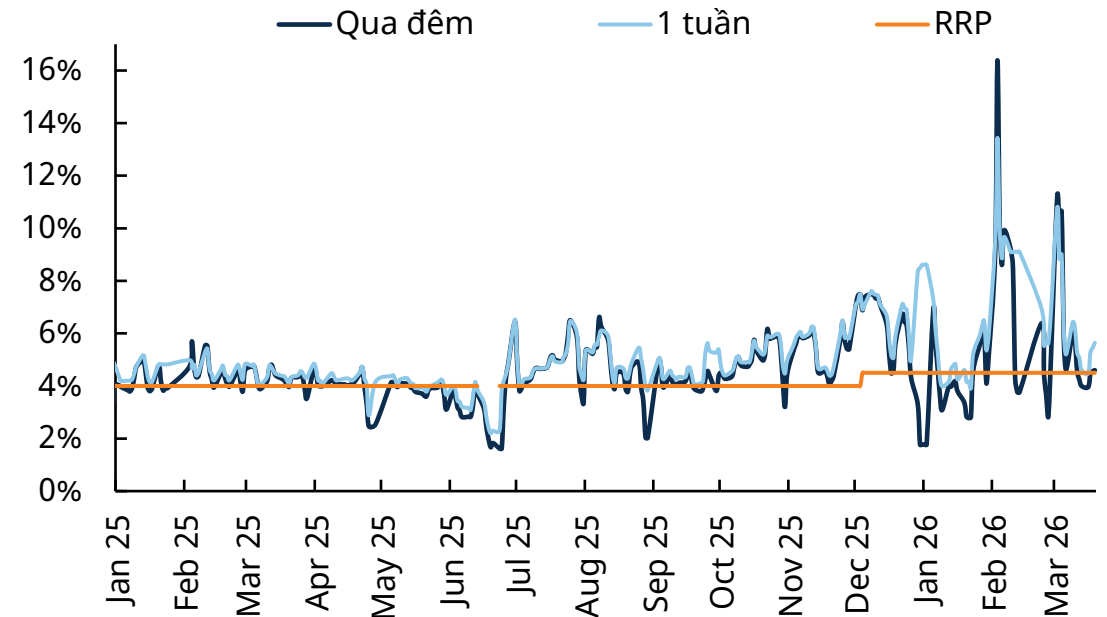
- **Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng trên cả thị trường tự do và chính thức:** Tính đến 20/3, thị trường tự do (27.725; +2.04% WoW; +3,51% YTD) tăng mạnh, trong khi tỷ giá bán tại VCB (26.339; +0,08% WoW; -0,14% YTD) nhích tăng nhẹ so với tuần trước. **Chỉ số DXY ở mức 99,6 điểm**, trong bối cảnh giá dầu tăng mạnh do rủi ro gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu trước căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông.
- **Tính đến ngày 19/3, lãi suất liên ngân hàng tăng so với tuần trước ở hầu hết các kỳ hạn: O/N (4,6%; +36bps WoW) và 1 tuần (5,64%; +57bps WoW) và 2 tuần (7,15%, +155bps WoW).**
- **Trong tuần 16–20/3**, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm gần 15 nghìn tỷ đồng qua nghiệp vụ thị trường mở (mua kỳ hạn 7–56 ngày), tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã giảm khoảng 149 nghìn tỷ đồng.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 20/03/2026.

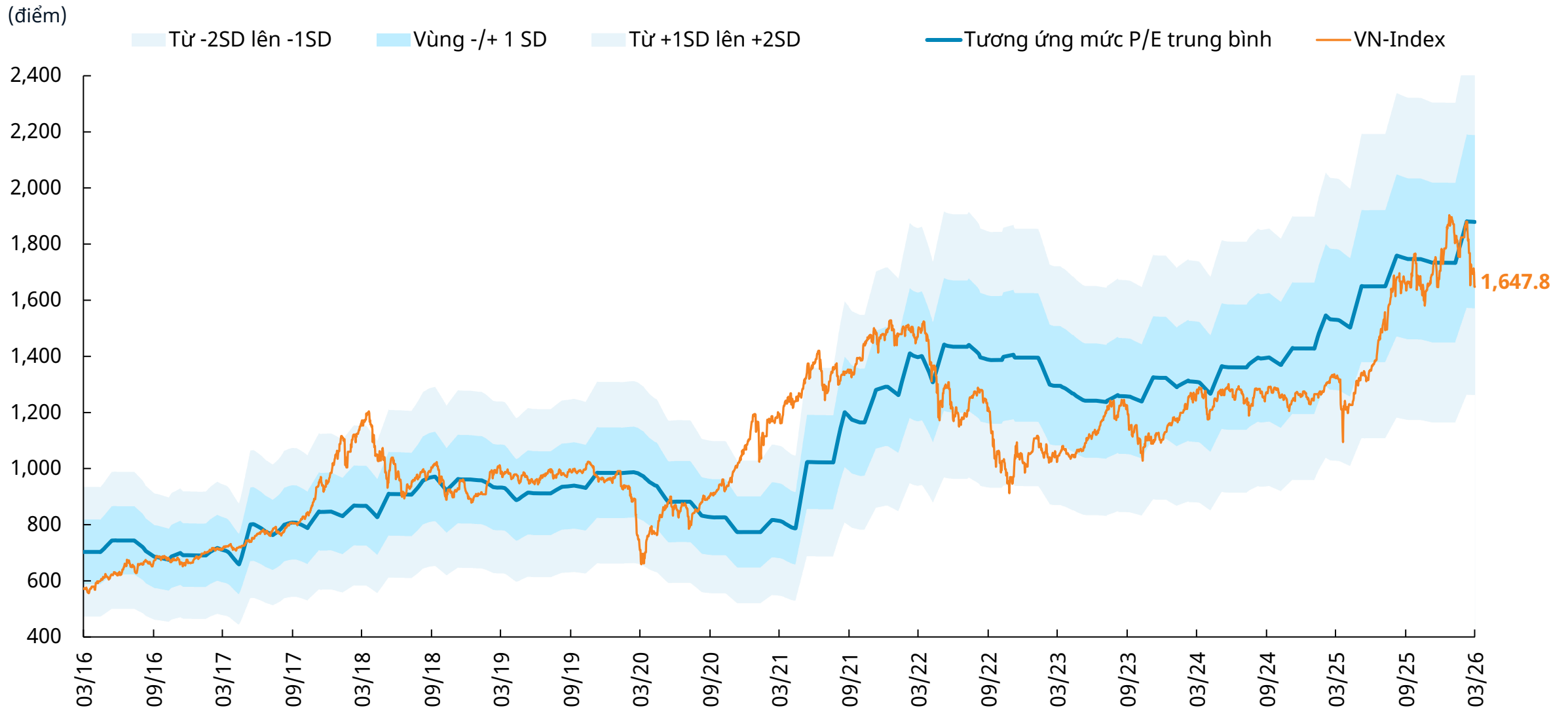
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 19/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất: P/E thị trường ở mức 14,8x (tiến về mức P/E trung bình trừ 1 độ lệch chuẩn)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Kỳ vọng hồi phục tại ngưỡng hỗ trợ 1600

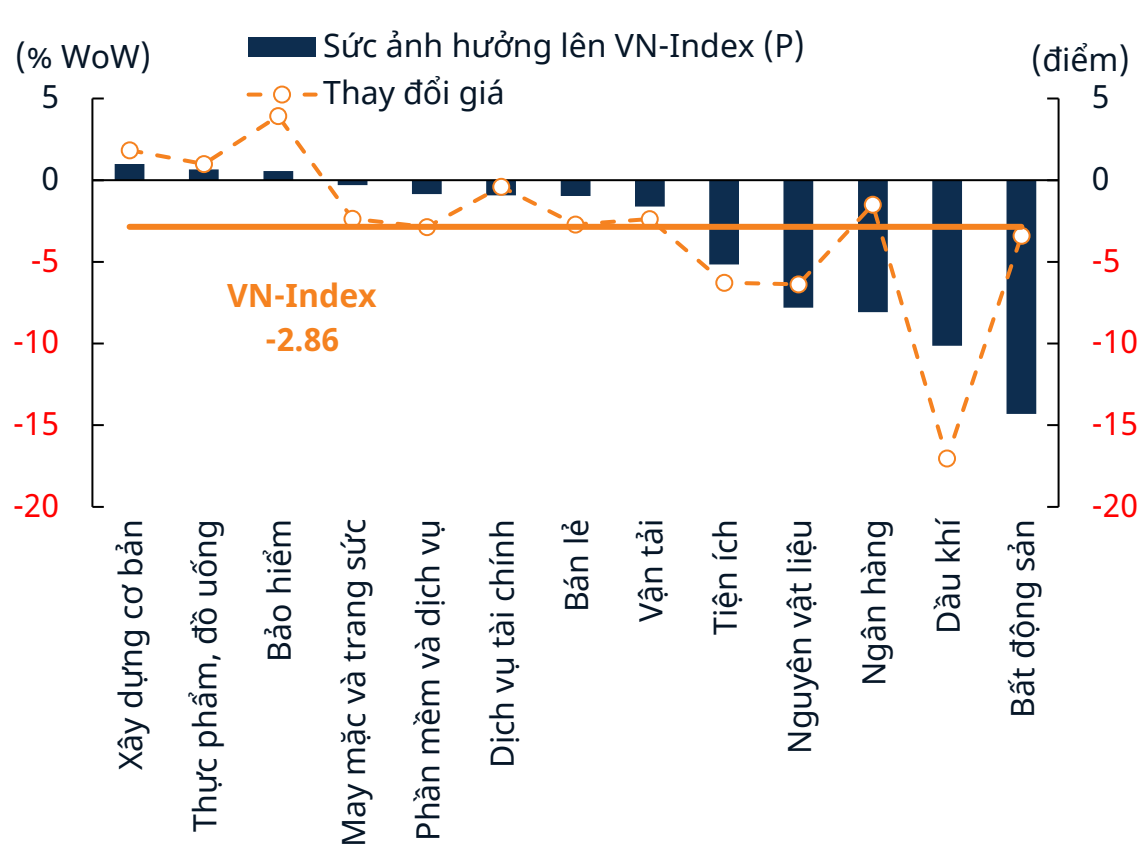
- **VN-Index: 1.647,8 điểm (-2,9% WoW)**, ghi nhận tuần giảm điểm thứ ba liên tiếp, với đà bán mạnh vào phiên cuối tuần (thời điểm hoàn tất đợt cơ cấu danh mục quý 1 của một số ETF ngoại).
 - **Nhóm đóng góp tiêu cực: Bất động sản (VIC)** giảm mạnh với áp lực bán ròn lớn từ khối ngoại. Ngoài ra, những nhóm ngành được kỳ vọng hưởng lợi từ bối cảnh xung đột Trung Đông (như **Dầu khí (BSR, PLX)**, **Phân bón (DPM, DCM)**) **chịu áp lực chốt lời mạnh tuần thứ 2**.
 - **Nhóm đóng góp tích cực: Xây dựng cơ bản (GEE, REE)** và **Thực phẩm, đồ uống (MCH)** đóng góp tăng điểm chính. Thêm vào đó, một số cổ phiếu thuộc **nhóm phòng thủ như Tiện ích (PC1, POW, TV2, BWE)** có **đà tăng tích cực**, trong bối cảnh thị trường biến động.
 - **Thanh khoản tiếp tục suy giảm:** GTGD bình quân ở **mức thấp nhất trong 4 tuần** (22,5 nghìn tỷ đồng/ngày; -26% WoW), giảm ở hầu hết các ngành.
 - **Giao dịch theo nhóm nhà đầu tư: Cá nhân và tổ chức trong nước mua ròn** lần lượt 4,32 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: 2,95 nghìn tỷ đồng) và 3,15 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: 23,22 nghìn tỷ đồng). **Khối ngoại bán ròn** 7,47 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: -26,17 nghìn tỷ đồng).
- **Triển vọng thị trường trong ngắn hạn:**
 - **Thị trường kỳ vọng hồi phục đi kèm giao dịch giăng co, với lực cầu xuất hiện quanh vùng 1.600 điểm**, nhờ vào: 1) VN-Index đang tiến về vùng định giá P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn, với nhiều cổ phiếu đã chiết khấu về vùng định giá hấp dẫn hơn; 2) Thanh khoản tuần qua suy giảm cho thấy lực bán cũng đang yếu dần.
 - **Kỳ vọng hồi phục có chọn lọc và thận trọng hơn:** Dòng tiền được kỳ vọng tập trung vào những nhóm ngành có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng (được cập nhật trong kỳ ĐHCĐ sắp tới). Dù vậy, trong bối cảnh những rủi ro bên ngoài vẫn hiện hữu và độ biến động trên thị trường tăng, nhà đầu tư nên ưu tiên quản trị tiền mặt một cách chủ động để linh hoạt tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt tại các vùng định giá hợp lý.
- **Định giá:** P/E VN-Index điều chỉnh về mức 14,8x (so với mức P/E trung bình 10 năm trừ 1 độ lệch chuẩn: 14,1x; P/E trung bình 10 năm: 17x).

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch của tuần theo ngành

Bất động sản, Dầu khí, và Ngân hàng giảm điểm mạnh nhất.

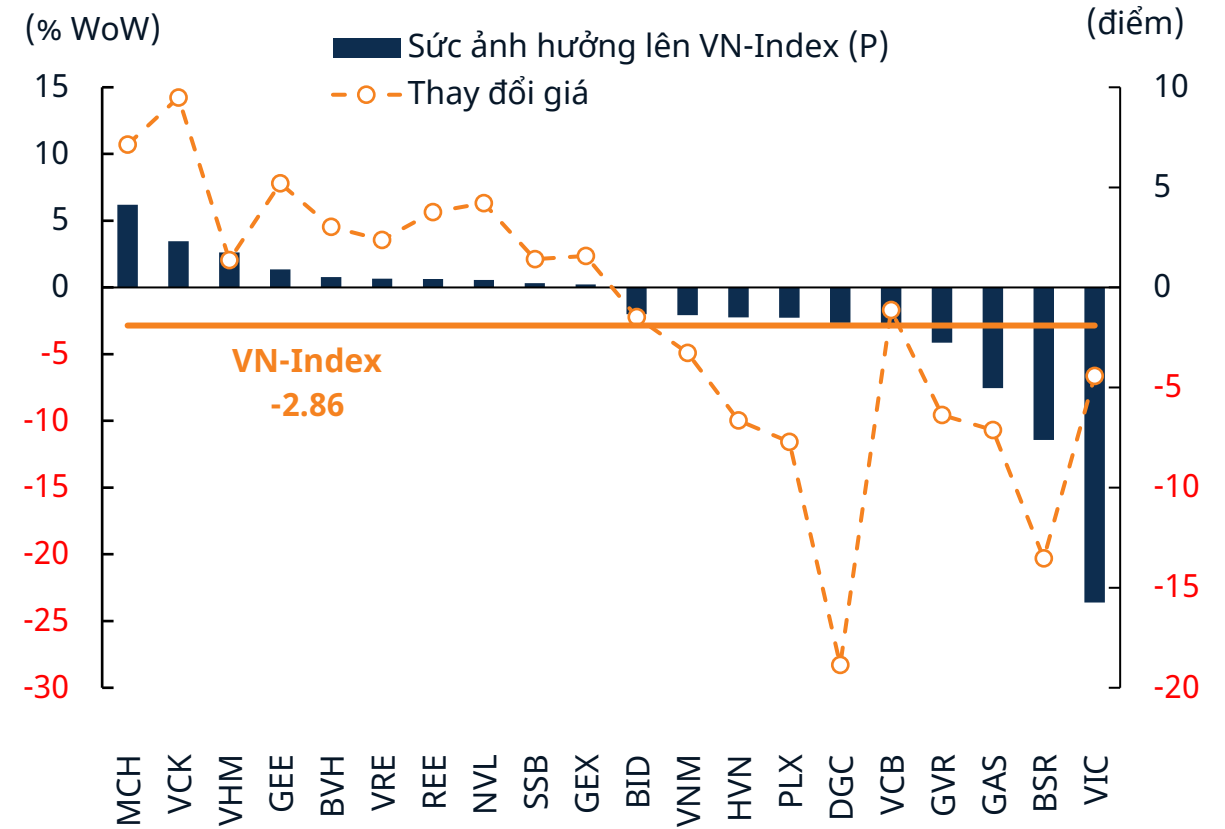
Trong khi **Xây dựng cơ bản** và **Thực phẩm, đồ uống**, **đồ uống** đóng góp tăng điểm.



Top cổ phiếu tác động trong tuần

Top cổ phiếu đóng góp tăng điểm: MCH, VCK, VHM, GEE, BVH

Top cổ phiếu đóng góp giảm điểm: VIC, BSR, GAS, GVR, VCB



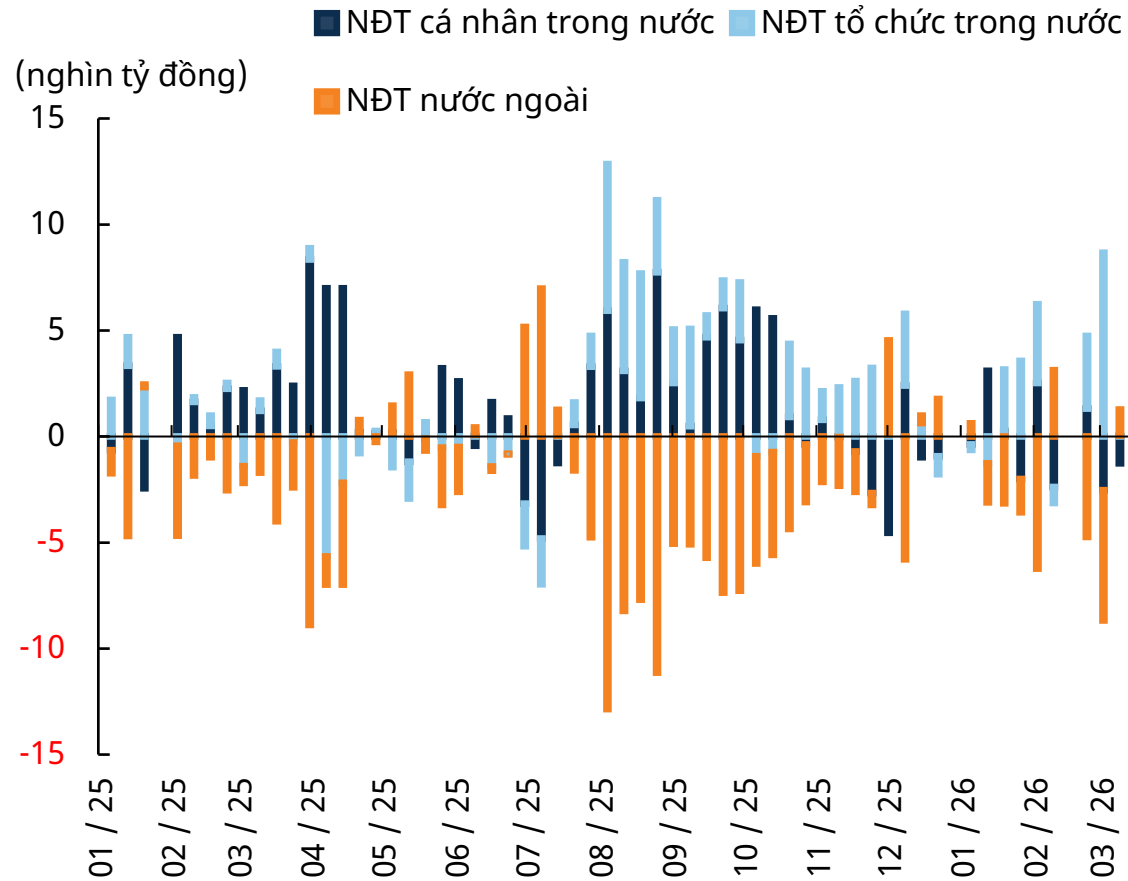
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/03/2026.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Giá trị giao dịch hàng tuần theo nhóm nhà đầu tư tại HOSE

Cá nhân và tổ chức trong nước mua ròng lần lượt 4,32 nghìn tỷ đồng và 3,15 nghìn tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng 7,47 nghìn tỷ đồng.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/03/2026.

Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành

GTGD bình quân 22,5 nghìn tỷ đồng/ngày (-26% WoW).

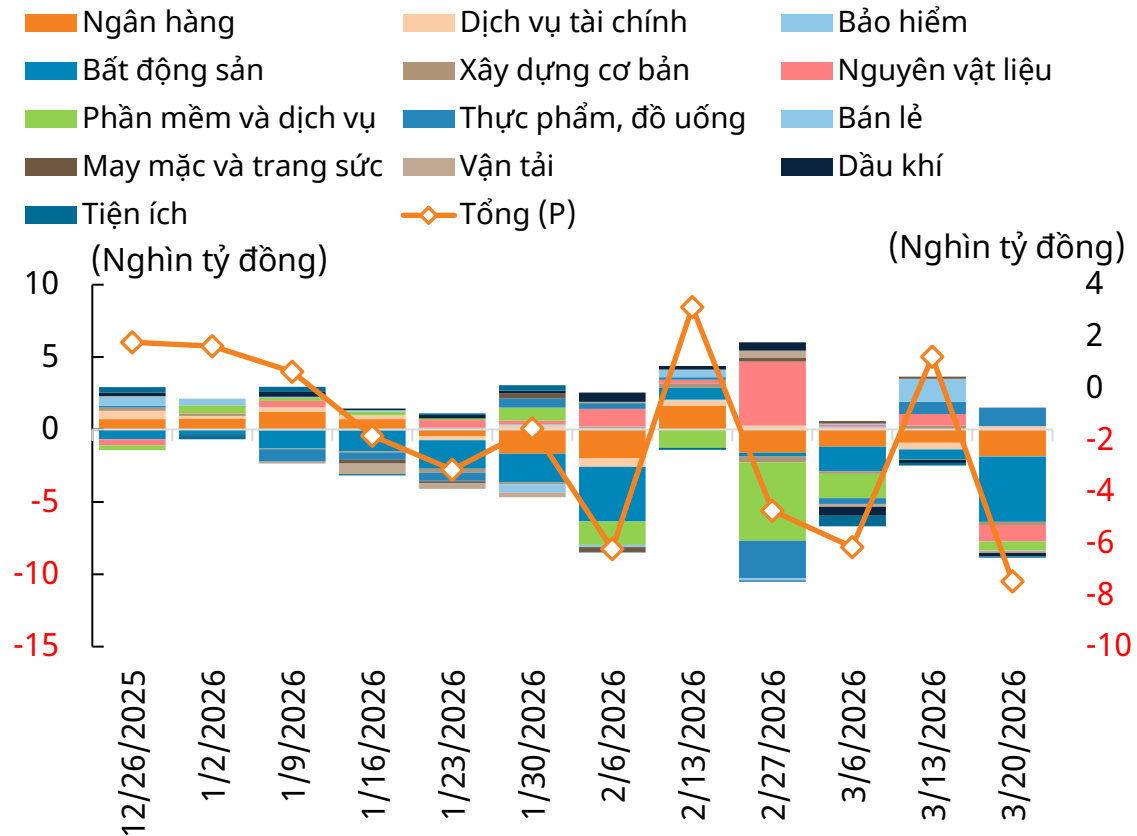
Phân ngành GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	27/2/2026	6/3/2026	13/3/2026	20/3/2026	
VN-Index	Yellow	Green	Green	31%	-26%
Nguyên vật liệu	Green	Green	Green	54%	-37%
Dầu khí	Orange	Green	Green	54%	-34%
Dịch vụ tài chính	Light Green	Green	Light Green	54%	-10%
Phần mềm và dịch vụ	Green	Green	Yellow	38%	-20%
Xây dựng cơ bản	Light Green	Green	Light Green	31%	-11%
Tiện ích	Orange	Green	Light Green	31%	-34%
Thực phẩm, đồ uống	Yellow	Light Green	Light Green	31%	-20%
Bất động sản	Red	Yellow	Red	31%	1%
May mặc và trang sức	Light Green	Green	Orange	23%	-48%
Bảo hiểm	Light Green	Yellow	Orange	15%	-32%
Bán lẻ	Orange	Green	Light Green	8%	-52%
Ngân hàng	Orange	Light Green	Light Green	8%	-34%
Vận tải	Light Green	Green	Yellow	8%	-22%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top ngành khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

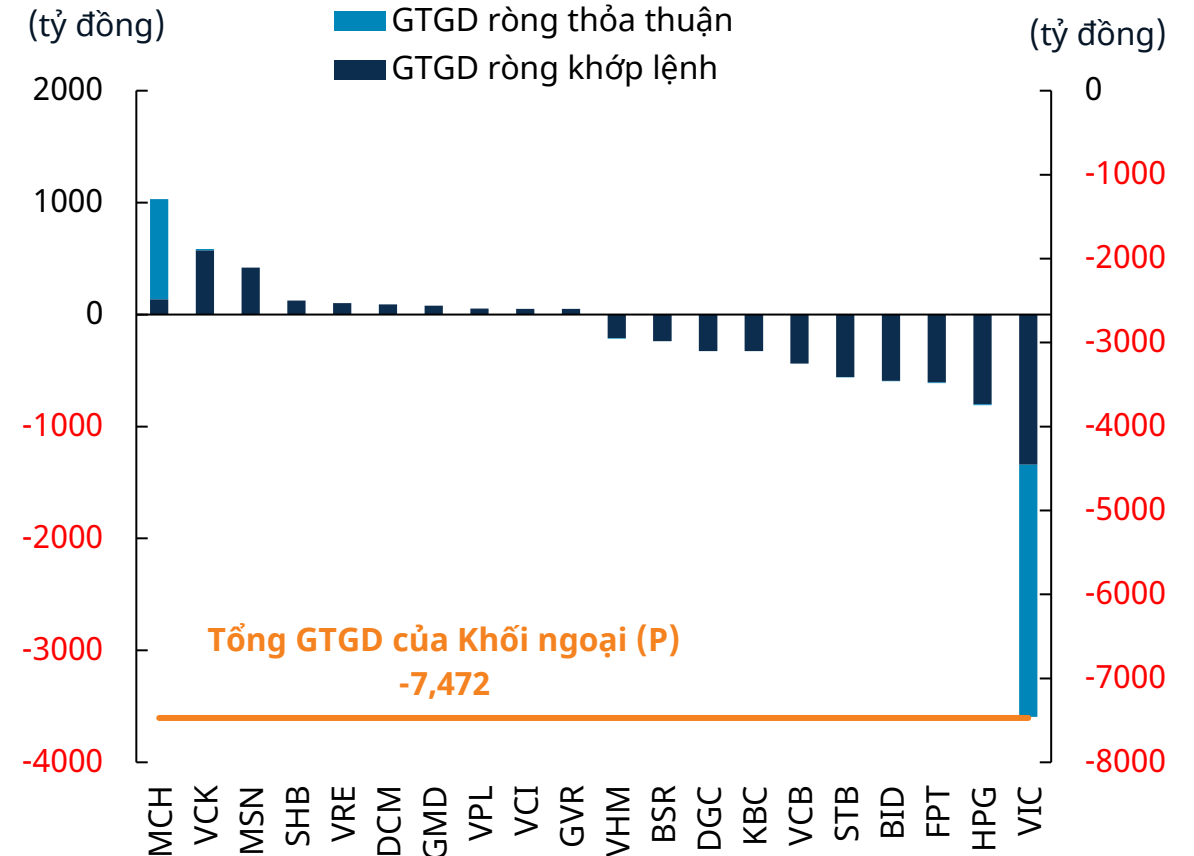
- Mua ròng: **Thực phẩm đồ uống** (1.248 tỷ đồng).
- Bán ròng: **Bất động sản** (4.500 tỷ đồng); **Ngân hàng** (1.854 tỷ đồng); **Nguyên vật liệu** (1.135 tỷ đồng).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/03/2026.

Top cổ phiếu khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

- Mua ròng: **MCH** (1.031 tỷ đồng); **VCK** (585 tỷ đồng); **MSN** (418 tỷ đồng).
- Bán ròng: **VIC** (3.594 tỷ đồng); **HPG** (810 tỷ đồng); **FPT** (611 tỷ đồng).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 20/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		7,729,995	1,647.8	1,901.2	1,158.2	-3.0	-2.9	-9.7	24.5	14.8	2.0	14.4	14.65	28.64
VN30 Index		5,281,814	1,798.0	2,102.8	1,208.4	-3.0	-3.0	-10.9	30.4	13.8	2.1	16.1	18.06	17.39
VN100 Index		6,658,224	1,726.8	1,979.5	1,188.9	-2.5	-2.6	-9.3	26.6	13.4	1.8	14.7	16.21	23.80
VNDiamond Index		1,645,502	2,466.2	2,795.1	1,894.2	-1.5	-1.2	-9.9	10.7	11.7	1.9	16.2	26.17	3.50
Ngân hàng														
	VCB	484,629	58,000	76,000	55,600	-3.0	-1.7	-9.9	-13.2	13.8	2.1	16.6	20.53	9.47
	BID	279,099	39,750	54,500	33,550	-2.2	-2.2	-15.2	-0.1	9.3	1.7	19.5	17.25	12.75
	CTG	260,969	33,600	41,550	25,132	-3.0	-1.2	-13.0	16.8	7.5	1.5	21.2	25.28	4.72
	TCB	211,524	29,850	41,650	24,150	-0.7	-0.5	-15.8	8.7	8.3	1.2	16.0	22.54	0.00
	VPB	198,745	25,050	38,250	16,450	-2.1	-2.3	-11.5	27.8	8.3	1.2	15.5	24.90	5.10
	MBB	209,027	25,950	29,500	15,985	-1.7	-0.8	-8.3	41.3	7.8	1.5	21.6	23.23	0.01
	HDB	125,132	25,000	29,700	15,036	-2.5	-2.3	-11.3	40.4	7.0	1.7	25.4	22.84	4.16
	LPB	122,777	41,100	53,700	29,000	-6.4	-1.0	-2.3	15.6	10.7	2.6	25.2	0.77	4.23
	ACB	118,143	23,000	29,400	19,565	-2.5	-1.9	-3.6	0.8	7.6	1.2	17.6	27.31	2.69
	STB	119,523	63,400	67,200	34,100	0.0	-3.6	1.3	63.0	20.1	2.0	10.3	13.68	16.32
	SHB	68,446	14,900	19,100	9,646	-0.7	-0.3	-3.6	43.3	5.7	1.0	19.1	3.13	26.87
	VIB	57,187	16,800	24,800	15,175	0.0	-0.6	-2.6	-6.1	7.8	1.2	16.4	4.94	0.05
	SSB	48,081	16,900	23,800	16,350	-0.3	2.1	-0.6	-14.9	9.0	1.2	14.2	0.14	4.86
	TPB	43,830	15,800	21,714	11,810	-1.3	-1.3	-9.7	9.1	5.9	1.0	18.5	24.36	5.64
	EIB	41,446	22,250	30,900	16,900	-0.4	-1.1	-3.7	11.5	36.5	1.6	4.4	3.47	26.50
	MSB	35,100	11,250	15,625	8,750	0.4	0.0	-6.6	13.9	6.2	0.8	14.2	29.09	0.91
	OCB	29,027	10,900	15,400	9,093	-0.9	1.9	-6.0	5.6	7.2	0.9	12.3	19.58	2.42
	NAB	20,760	12,100	17,000	12,080	-4.3	-5.5	-13.9	-13.8	5.0	0.9	19.6	1.35	28.65
Dịch vụ tài chính														
	SSI	67,135	26,950	40,214	20,403	-0.2	-5.1	-14.2	11.4	14.2	1.8	14.0	32.00	68.00
	VIX	39,817	16,250	33,907	9,048	0.3	-1.2	-14.7	64.3	5.4	1.4	28.9	7.47	92.53
	VND	23,367	15,350	27,350	13,800	-1.6	-5.5	-17.5	1.3	11.6	1.1	10.0	10.64	89.36
	VCI	30,349	35,700	49,450	32,700	1.9	-3.4	-2.2	-8.9	19.2	1.7	8.7	18.71	81.29
	HCM	22,139	20,500	30,400	19,675	-0.2	-5.3	-13.1	-19.9	17.6	1.5	9.4	34.01	14.99
	FTS	8,576	24,750	46,182	24,750	-6.1	-9.3	-24.5	-45.9	21.4	1.9	9.3	24.81	75.19
	DSE	9,957	23,250	31,225	18,910	-0.6	0.4	-3.5	-2.3	31.3	2.0	6.5	11.19	88.81
	BSI	8,392	34,200	56,000	34,200	-2.0	-2.7	-10.0	-32.0	17.0	1.5	9.3	35.45	64.55
	EVF	10,534	13,850	16,500	8,450	0.7	-8.3	14.5	36.5	12.3	1.1	9.0	0.79	14.21
	CTS	5,583	26,250	46,500	22,273	-0.2	-2.6	-14.8	-7.4	8.9	2.0	22.6	0.34	48.66

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 20/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	56,417	76,000	84,200	42,700	2.2	4.5	0.0	43.4	18.9	2.3	12.6	27.32	21.68
Bất động sản	VIC	1,040,314	135,000	180,200	25,500	-6.9	-6.6	-15.6	424.3	75.5	6.9	9.4	2.72	45.30
	VHM	410,741	100,000	142,800	46,100	-2.2	2.0	-8.3	111.2	10.0	1.7	18.7	7.79	42.21
	VPL	141,671	79,000	109,100	70,900	-2.5	-0.4	-7.7	0.0	N/A	3.9	N/A	1.00	48.00
	VRE	59,421	26,150	43,550	17,450	0.4	3.6	-12.2	42.1	9.2	1.2	14.3	11.56	37.44
	KBC	27,358	29,050	43,100	21,800	-6.7	-9.1	-14.9	-2.0	12.0	1.1	9.7	10.95	38.05
	KDH	28,616	25,500	37,500	22,091	-2.9	-1.9	-9.9	-13.4	29.1	1.5	5.5	29.76	20.24
	PDR	15,117	15,150	27,200	13,935	-1.6	-1.9	-12.9	-19.0	29.2	1.2	4.4	6.64	43.36
	VPI	18,563	58,000	62,300	48,000	-1.7	-1.2	-3.3	1.4	47.3	3.5	7.8	9.88	39.12
	DXG	15,573	14,000	24,200	11,368	-0.7	0.0	-11.1	-1.6	60.7	1.1	1.9	20.09	29.91
	SJS	14,636	49,200	79,000	32,819	-0.8	1.4	-0.6	27.4	40.9	4.3	11.1	0.58	49.42
	SIP	13,316	55,000	79,913	50,700	-6.5	-5.7	-7.3	-29.7	10.1	2.6	27.0	2.72	46.28
	NLG	13,440	27,700	43,159	23,825	-1.1	4.9	-4.5	-12.1	18.9	1.1	5.9	41.01	8.99
	HDG	10,784	29,150	36,200	18,773	1.9	2.5	9.0	17.0	15.3	1.6	10.9	19.35	30.65
	KOS	8,367	38,650	42,150	36,200	0.1	4.5	1.3	-0.3	444.2	3.6	0.8	0.16	48.84
	BCM	54,648	52,800	80,000	52,700	0.0	-1.7	-16.6	-33.6	15.8	2.4	16.5	1.01	32.99
	NVL	30,021	13,450	19,050	8,910	-3.2	6.3	6.3	24.0	16.8	0.7	4.1	6.45	42.55
HDC	3,496	17,500	37,768	17,500	-1.7	-2.8	-17.8	-26.6	5.5	1.2	24.9	1.48	47.52	
DXS	3,614	6,240	13,950	5,660	-1.9	-0.2	-15.0	-14.5	10.7	0.6	5.5	7.08	42.92	
Nguyên vật liệu	HPG	198,795	25,900	30,100	19,583	-3.0	-2.8	-3.5	14.5	12.9	1.5	12.7	22.52	26.48
	GVR	123,000	30,750	42,300	23,300	-5.2	-9.6	-15.5	-10.9	22.3	2.2	10.1	0.73	12.27
	DGC	21,078	55,500	108,500	55,500	-6.9	-28.3	-18.9	-47.8	7.4	1.4	20.0	7.92	41.08
	DCM	23,082	43,600	52,300	27,900	-3.2	-9.0	11.2	27.3	13.6	2.1	16.2	7.87	41.13
	DPM	19,616	28,850	35,800	17,612	-6.2	-13.1	15.4	40.8	19.2	1.7	9.6	6.46	43.54
	HSG	8,818	14,200	21,100	13,350	-2.7	-1.0	-8.4	-20.4	14.0	0.8	5.6	3.84	45.16
	PHR	7,927	58,500	69,500	42,800	-4.1	-4.7	-3.1	-8.3	16.7	2.0	13.2	13.53	35.47
	NKG	6,154	13,750	20,400	11,750	0.4	-1.1	-8.0	-11.0	31.2	0.8	2.9	5.10	44.90
	HT1	5,934	15,550	18,500	10,100	-2.2	-8.0	1.0	28.0	21.7	1.2	5.5	2.39	46.61

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 20/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

0

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	GEE	58,194	159,000	245,800	51,583	-4.2	7.8	-9.9	182.7	17.5	7.8	48.6	0.61	49.39
	REE	36,508	67,400	70,000	53,478	3.1	5.6	9.4	8.4	14.4	1.7	12.7	48.99	0.01
	GEX	31,178	34,550	65,700	20,238	1.6	2.4	-8.1	52.1	21.1	1.7	9.3	6.95	43.05
	VGC	19,727	44,000	66,600	36,500	-4.1	-3.7	-12.5	-15.4	14.1	2.3	16.5	2.61	46.39
	TCH	13,590	14,900	24,571	12,520	2.1	-1.3	-10.5	3.9	39.0	1.2	3.0	11.91	39.09
	BMP	10,601	129,500	184,200	105,500	1.2	-6.5	-18.6	8.4	8.6	3.7	44.0	83.27	16.73
	VCG	14,416	22,300	28,600	17,870	-3.0	-5.1	18.0	14.7	3.7	1.2	39.8	3.54	45.46
	CII	10,953	16,300	31,350	9,825	-2.7	-2.1	-8.9	30.9	86.3	1.1	1.5	5.36	34.64
	CTR	9,151	80,000	110,500	79,600	-2.4	-1.8	-13.9	-24.5	15.3	4.4	30.5	5.51	43.49
	DIG	10,632	13,350	25,100	12,667	-1.8	-1.5	-15.8	-24.1	15.2	0.9	7.5	2.56	46.44
	PC1	10,961	26,650	30,150	17,087	3.7	-0.6	1.5	33.3	11.9	1.7	15.4	16.28	33.72
	CTD	8,840	83,000	98,571	65,238	0.2	3.2	2.6	0.3	11.3	0.9	8.6	48.99	0.01
	HHV	5,969	12,000	16,941	9,904	-1.6	-4.0	-1.2	2.8	9.9	0.6	5.9	10.68	38.32
SZC	5,229	29,050	44,400	28,300	0.2	-1.5	-14.2	-34.4	15.2	1.6	10.9	4.86	15.14	
Tiện ích	GAS	197,862	82,000	122,000	54,175	-6.9	-10.7	-19.3	23.1	17.3	3.0	18.0	2.27	46.73
	POW	40,342	13,150	15,350	9,092	1.5	-1.1	-1.9	23.8	15.9	1.1	7.1	3.25	46.75
	BWE	9,446	42,950	53,000	38,000	2.5	0.6	-3.5	-3.7	11.5	1.6	14.5	3.96	45.04
	NT2	7,470	25,950	28,300	17,300	0.2	-2.6	-4.8	30.7	6.8	1.5	24.4	12.90	36.10
	PLX	54,381	42,800	67,000	33,300	-7.0	-11.6	-17.7	3.6	22.8	2.1	10.3	14.74	5.26
Dầu khí	PVD	19,039	34,250	43,100	17,150	-6.9	-14.4	0.3	47.3	20.7	1.1	6.3	11.98	37.02
	BSR	140,455	28,050	39,500	9,319	-4.3	-20.3	14.5	131.1	27.1	2.3	8.9	2.25	46.75
	PVT	10,221	21,750	30,700	14,811	-6.7	-11.8	8.5	13.0	9.8	1.2	12.7	12.85	36.15

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 20/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	125,397	60,000	73,000	53,800	-1.6	-4.9	-13.7	-2.9	14.9	4.1	26.7	48.90	51.10
	MSN	103,094	71,300	94,000	53,100	-5.4	-3.5	-8.6	4.2	26.3	3.1	12.5	23.23	76.77
	SAB	54,637	42,600	53,800	42,600	-3.9	-4.1	-12.2	-15.8	12.7	2.6	19.9	58.44	41.56
	HAG	19,518	15,400	18,400	10,750	0.3	1.3	-7.2	24.2	8.2	1.5	19.4	2.10	46.90
	SBT	18,061	20,600	26,750	14,000	-2.8	-8.4	-13.8	39.2	27.0	1.6	5.9	19.95	80.05
	VHC	12,906	57,500	67,500	47,000	-2.0	-5.1	-4.3	-13.9	9.5	1.4	15.0	20.32	79.68
	KDC	14,476	49,950	59,000	49,000	-0.1	-2.4	-4.1	-10.5	27.8	2.0	7.6	16.20	33.80
	DBC	8,948	23,250	31,696	20,783	0.2	-1.1	-12.9	-9.1	5.9	1.1	20.3	1.67	47.33
	ANV	6,137	23,050	33,450	13,850	-1.1	-4.0	-13.0	34.8	6.1	1.7	31.6	3.23	45.77
PAN	5,901	28,250	35,300	22,100	-6.3	-12.3	-10.6	5.0	8.8	1.1	12.9	21.04	27.96	
Bán lẻ	MWG	117,033	79,700	93,900	50,600	-3.3	-2.8	-14.1	32.8	16.7	3.6	23.3	48.87	0.13
	FRT	25,307	148,600	171,000	104,800	-0.3	-0.3	-12.6	5.5	31.8	4.9	26.1	32.56	16.44
	DGW	9,289	42,000	54,900	30,900	-3.4	-2.7	-16.8	7.7	16.8	2.7	17.1	21.13	27.87
Vận tải	VJC	93,060	157,300	212,500	82,400	-0.9	0.3	-7.0	63.5	41.8	3.8	10.1	6.55	23.45
	GMD	32,925	77,200	85,100	43,100	0.9	1.7	2.9	30.0	21.1	2.5	12.1	41.26	7.74
	VTP	10,814	88,800	148,600	88,000	-0.7	-0.3	-12.9	-38.8	31.0	6.1	20.8	5.25	43.75
	VSC	9,453	25,250	33,850	11,720	-1.9	1.8	1.8	77.3	27.7	1.7	6.9	1.77	47.23
	SCS	4,963	52,300	74,000	51,300	-0.8	-1.1	-4.0	-27.6	6.6	3.3	53.2	10.48	19.52
Phần mềm và dịch vụ	FPT	127,082	74,600	112,174	73,600	-2.9	-3.1	-22.5	-31.4	13.5	3.5	28.3	33.80	15.20
	CMG	6,894	29,600	41,636	27,909	0.0	0.7	-13.2	-20.9	17.0	2.3	13.5	37.98	12.02
May mặc và trang sức	PNJ	38,959	114,200	127,000	69,600	-0.6	-2.3	-4.8	27.2	14.1	2.9	23.1	48.92	0.08
Dược phẩm	IMP	8,393	54,500	56,700	39,200	-0.9	-0.9	2.1	4.8	27.1	3.6	13.6	50.97	26.99

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 20/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Quỹ mở và ETF

Hiệu suất giao dịch

Loại quỹ	Mã quỹ	Mã AMC	Ngày thành lập	Giá trị NAV / đơn vị	Hiệu suất (%)					
					Kể từ khi	1 tháng	6 tháng	YTD	1 năm	3 năm
Cổ phiếu	MAGEF	MAGI	07/2019	21,786.91	117.87%	-2.39%	-6.10%	1.42%	27.94%	77.89%
	SSI-SCA	SSIAM	09/2014	45,339.07	353.39%	-0.82%	-6.34%	-3.59%	9.94%	83.93%
	VEOF	VCFM	07/2014	36,225.67	262.26%	2.44%	-4.84%	-2.69%	15.84%	68.66%
	VESAF	VCFM	04/2017	35,253.47	252.53%	5.12%	-3.92%	-3.56%	13.60%	70.68%
	DFVN-CAF	DFVN	01/2019	18,175.74	81.76%	3.03%	-4.40%	-1.26%	12.50%	42.96%
	UVEEF	UOBAM	11/2022	17,332.52	73.33%	-6.31%	-6.59%	-1.59%	18.92%	61.86%
	BVFED	BVF	01/2014	29,917.00	199.17%	-4.03%	-5.43%	-4.69%	25.41%	70.95%
	BVPF	BVF	12/2016	22,703.00	127.03%	-0.09%	-4.77%	-2.91%	6.16%	48.36%
	FVEF	FIDES	04/2023	15,911.00	59.11%	-1.14%	-5.61%	0.92%	23.19%	-
	KDEF	KIM	04/2025	12,426.47	24.26%	-3.99%	-6.14%	-4.57%	-	-
	LHCDF	LIGHTHOUSE	05/2024	11,743.20	17.43%	0.96%	-2.03%	-6.78%	4.08%	-
	VCBF-BCF	VCBF	08/2014	44,058.33	340.58%	0.29%	-5.61%	0.75%	22.18%	74.40%
	VCBF-MGF	VCBF	12/2021	14,873.86	48.74%	4.34%	-4.07%	-1.53%	9.79%	79.71%
	VCBF-AIF	VCBF	02/2025	11,613.50	16.14%	-	-5.05%	0.99%	-	-
	TCGF	TCAM	10/2024	11,666.95	16.67%	-3.13%	-5.39%	-8.87%	11.13%	-
	DCDS	DRAGON CAPITAL	05/2004	101,873.35	918.73%	-5.85%	-6.01%	-5.17%	26.04%	93.17%
DCDE	DRAGON CAPITAL	02/2008	30,771.55	207.72%	-1.26%	-4.45%	-7.97%	14.66%	65.84%	
PHVSF	PHU HUNG	11/2022	13,345.50	33.46%	-0.58%	-4.96%	-6.17%	9.99%	32.54%	
Trái phiếu	MAFF	MAGI	11/2021	13,481.76	34.82%	1.49%	0.54%	2.52%	6.99%	24.79%
	SSIBF	SSIAM	08/2017	16,608.46	66.08%	0.77%	0.27%	2.09%	4.89%	22.32%
	VFF	VCFM	04/2013	25,867.23	158.67%	1.31%	0.58%	3.73%	7.11%	23.16%
	DFVN-FIX	DFVN	02/2021	12,049.04	20.49%	1.03%	0.08%	2.77%	5.05%	14.38%
	BVBF	BVF	04/2016	22,054.00	120.54%	1.72%	0.05%	2.79%	6.57%	22.90%
	FBF	FIDES	01/2022	12,369.00	23.69%	1.29%	0.77%	2.44%	4.98%	16.61%
	LHBF	LIGHTHOUSE	12/2022	14,851.65	48.52%	1.23%	0.66%	2.42%	5.37%	-
	VCBF-FIF	VCBF	08/2019	15,634.86	56.35%	2.37%	0.63%	3.49%	6.60%	25.15%
	DCBF	DRAGON CAPITAL	06/2013	29,388.58	193.89%	1.35%	0.63%	3.40%	7.02%	24.73%
	DCIP	DRAGON CAPITAL	04/2019	11,998.28	19.98%	1.14%	0.28%	2.81%	5.51%	19.97%
Cân bằng	VIBF	VCFM	07/2019	19,875.86	98.76%	0.46%	-2.66%	-0.80%	10.11%	43.96%
	VCBF-TBF	VCBF	12/2013	38,867.27	288.67%	1.07%	-3.10%	1.75%	16.20%	58.45%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Fund Distribution fundteam@miraeasset.com.vn, cập nhật ngày 20/03/2026.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.